

Số: 08/NQ-HĐND

Phổ Nhơn, ngày 29 tháng 7 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Phê chuẩn quyết toán thu ngân sách trên địa bàn,
Quyết toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2018**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ PHỔ NHƠN
KHÓA XII – KỲ HỌP THỨ XI**

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách số 01/2002/QH11 ngày 16/12/2002;

Căn cứ Luật Ngân sách số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính Phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hàng năm;

Trên cơ sở xem xét Tờ trình số 33/TTr-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2019 của UBND xã Phổ Nhơn về việc phê chuẩn quyết toán thu Ngân sách nhà nước trên địa bàn và thu, chi ngân sách xã năm 2018; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - xã hội số 07/BC - BAN KTXH ngày 25 tháng 7 năm 2019 và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn Báo cáo quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, quyết toán thu, chi ngân sách xã Phổ Nhơn năm 2018 với các nội dung sau:

Tổng số thu ngân sách nhà nước năm 2018: 19.186.687.552đ.

I/ Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 8.100.679.466đ

A/ Các khoản thu cân đối ngân sách nhà nước: 8.064.247.966đ

1/ Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh:
87.209.013đ

2/ Thuế thu nhập cá nhân: 58.397.894đ

3/ Thu khác của thuế: 9.184.175đ

4/ Lệ phí trước bạ nhà đất: 46.229.229đ.

5/ Thu phí, lệ phí: 38.135.000đ

6/ Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 2.989.266đ

7/ Tiền sử dụng đất: 7.709.498.000đ

8/ Thu phạt, tịch thu khác theo qui định: 14.902.000đ

9/ Thu từ quỹ đất CI, hoa lợi công sản khác: 18.472.000đ

10/ Thu khác: 595.954đ

11/ Thuế tài nguyên: 78.635.435đ

B/ Các khoản thu không cân đối để lại quỹ chi qua NSNN: 36.431.500đ.

Thu ngân sách xã: 11.280.836.034đ.

1/ Các khoản cân đối NSNN trên địa bàn: 158.396.448đ

2/ Các khoản thu để lại quản lý qua NSNN: 36.431.500đ

3/ Thu bổ sung từ NS cấp trên: 10.809.276.000đ

4/ Thu chuyển nguồn từ ngân sách năm trước: 3.130.000đ

5/ Thu kết dư : 273.602.086đ

III/Tổng số chi ngân sách xã: 8.843.670.720đ

Gồm các nội dung chi như sau:

1/ Chi đầu tư phát triển: 1.519.707.000đ

2/ Chi thường xuyên: 7.177.548.199đ. gồm có

2.1. Chi quân sự quốc phòng: 234.400.386đ

2.2 Chi Ban an ninh: 408.317.096đ

2.3. Chi sự nghiệp VH TT: 2.330.000đ

2.4. Sự nghiệp phát thanh: 23.735.000đ

2.5. Sự nghiệp TDTT: 21.818.320đ

2.6 Sự nghiệp kinh tế: 983.664.000đ

2.7. Chi quản lý NN, Đảng, đoàn thể: 2.771.343.655đ

2.8. Chi hoạt động của khối Đảng: 566.819.813đ

2.9. Chi hoạt động của UBMTTQVN xã: 402.962.200đ

2.10. Chi hoạt động của ĐTN: 142.563.357đ

2.11. Chi hoạt động của HPN: 168.292.344đ

2.12. Chi hoạt động của HND: 179.719.484đ

2.13. Chi hoạt động của HCCB: 148.677.384đ

2.14. Chi hoạt động của các hội đặc thù: 114.569.160đ

2.15. Sự nghiệp xã hội: 1.008.336.000đ

3/ Chi chuyển nguồn sang năm sau: 98.871.521đ

5/ Chi nộp trả NS cấp trên : 47.544.000 đ

IV/ Số kết dư ngân sách: 2.437.165.314 đồng.

(Kèm theo biểu mẫu số 48, 50, 51, 52, 54, 55, 56, 57, 61 ban hành theo ND 31/2017/ND-CP)

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức công khai số liệu quyết toán này theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Thường trực HĐND xã, các ban HĐND xã, đại biểu HĐND xã thường xuyên giám sát, đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân xã khóa XII, nhiệm kỳ 2016 – 2021, kỳ họp thứ XI thông qua ngày 29 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT HĐND, UBND huyện;
- Phòng Tư pháp huyện;
- KBNN Đức Phổ;
- Phòng TC-KH huyện;
- TT Đảng ủy, TT HĐND xã;
- CT, PCT UBND xã;
- Các Ban HĐND xã;
- Các đại biểu HĐND xã;
- Các ngành, đoàn thể xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Minh Cảnh